

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 15-3-2024.
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thiều.
- Ông Nguyễn Ngọc Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 về "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXX-ST ngày 04 tháng 3 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đỗ Đức T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày: Chị và anh T chung sống với nhau vào năm 2006, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Anh, chị có cuộc sống tự lập. Năm 2023, chị và anh T xảy ra mâu thuẫn do tính tình không còn hợp nhau. Ngày 21/6/2023, chị dọn ra khỏi nhà sống và sống ly thân anh T đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo lời khai của bị đơn anh Đỗ Đức T thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án: Thừa nhận lời trình bày của chị P về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn, thời gian ly thân là đúng. Nay anh đồng ý ly hôn chị P.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét, quyết định:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị P và anh Đỗ Đức T.

Về con chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P và bị đơn anh Đỗ Đức T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh T chung sống với nhau vào năm 2006, không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị P và anh T đã xảy ra mâu thuẫn và tự sống ly thân từ tháng 6/2023 đến nay. Nay chị P yêu cầu ly hôn anh T, anh T cũng đồng ý ly hôn chị P. Mặt khác, căn cứ vào Công văn số 48/UBND ngày 07-3-2024 của Ủy ban nhân dân xã T đã xác định chị P và anh T không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị P và anh T.

[3] Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị P, anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị **P**, anh **T** trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Như phân tích trên thì đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí: Chị **P** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Nguyễn Thị P** và anh **Đỗ Đức T**.

2. Về con chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị **Nguyễn Thị P** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013592 ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; chị **P** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho chị **P**, anh **T** biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

